

Bản án số:38/2025/DS -ST

Ngày: 12/6/2025

V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thọ
Ông Lê Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Như Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 450/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 23-5-2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc, là đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

- Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (tên viết tắt: S1 – SBA CO.,LTD)

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 3815/2024/GUQ-PL ngày 10-12-2024.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D1– Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc (Vắng mặt).

Ông D1 ủy quyền lại cho:

+ Ông Nguyễn Vũ Khánh C – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc (Vắng mặt).

+ Ông Trần Đức T – Chức vụ: Nhân viên công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh C1, sinh năm 1971
Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-4-2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 15-10-2017, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng S1) có ký với bà Phạm Thị Quỳnh C1 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.766%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà C1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.379.905 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà C1 đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền 74.127.678 đồng. Theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước;
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ;
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngân hàng S1 đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 01-01-2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 32.666.252 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149%/tháng ($2.766\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay Ngân hàng S1 khởi kiện bà Phạm Thị Quỳnh C1, yêu cầu Tòa án buộc bà C1 phải trả Ngân hàng S1 tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12-6-2025 là 73.591.094 đồng, trong đó: Nợ gốc: 32.666.252 đồng; lãi quá hạn là 40.924.842 đồng.

Ngoài ra, bà C1 còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 13-6-2025 theo thỏa thuận cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Phạm Quỳnh C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa có ý kiến như sau:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Quỳnh C1 hoàn trả tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15-10-2017, mục đích vay tiêu dùng nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị Quỳnh C1 có nơi cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.] Về nội dung:

[4.1.] Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15-10-2017 giữa Ngân hàng S1 và bà C1 được ký trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp theo quy định, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2.] Tại phần cam kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15-10-2017, bà C1 xác nhận bằng việc ký vào đơn này thì đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng; cùng với mẫu đơn này, tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành, sử dụng thẻ tín dụng S1 có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa bà C1 và Ngân hàng S1.

Tại Điều 20, 21 22, 24 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quy định về thứ tự thanh toán, cách tính lãi, điều kiện chấm dứt quyền sử dụng thẻ, lãi suất nợ quá hạn, các loại phí. Việc Ngân hàng S1 quy định như trên, bà C1 cũng đồng ý với quy định này là phù hợp với quy định của Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.3.] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Bà C1 phát sinh giao dịch thẻ tại Ngân hàng S1 từ ngày 30-11-2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C1 mới thanh toán cho Ngân hàng S1 tổng số tiền 74.127.678 đồng. Do bà C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đến ngày 01-01-2023, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 32.666.252 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149%/ tháng ($2.766\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12-6-2025, bà C1 còn nợ Ngân hàng S1 tổng số tiền là 73.591.094 đồng, trong đó: Nợ gốc: 32.666.252 đồng; lãi quá hạn là 40.924.842 đồng.

Bà Phạm Quỳnh C1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13-6-2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1 về việc buộc bà C1 phải trả cho ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi là 73.591.094 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa về việc giải quyết nội dung vụ án phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S1 được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6.2] Bà Phạm Quỳnh C1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.679.554 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 100, Điều 103 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Phạm Thị Quỳnh C1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 73.591.094đ (*Bảy mươi ba triệu năm trăm chín mươi một ngàn không trăm chín mươi tư*) đồng, trong đó: Nợ gốc: 32.666.252đ (*ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi hai*) đồng; lãi quá hạn là 40.924.842đ (*Bốn mươi triệu chín trăm hai mươi tư ngàn tám trăm bốn mươi hai*) đồng.

1.2. Kể từ ngày 13-6-2025, bà Phạm Thị Quỳnh C1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề ngày 15-10-2017 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phạm Thị Quỳnh C1 phải nộp 3.679.554đ (*Ba triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm năm mươi tư*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.260.382đ (*một triệu hai trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi hai*) đồng theo biên lai thu số 0008081 ngày 03-5-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hoa

